

Số: **218/2022/QĐST-HNGĐ**

Quận H, ngày 28 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **210/2022/TLST-VHNGĐ** ngày 14/4/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa những người yêu cầu:

+ Anh **T Q K** - sinh năm 1989; HKTT và nơi ở: Số 64 ngõ Q, tổ 35, phường T, quận H, thành phố H.

+ Chị **N T P** - sinh năm 1991; HKTT: Chợ C, thị trấn T, huyện B, thành phố H; nơi ở: Số 64 ngõ Q, tổ 35, phường T, quận H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh T Q K và chị N T P xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận N, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Anh chị chính thức ly thân từ năm 2021. Nay anh chị cùng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có nguyện vọng được thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các nội dung: tài sản chung, công nợ chung, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình được ghi nhận tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 19/4/2022.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T Q K và chị N T P.

Giấy chứng nhận kết hôn số **18/2015**, quyển số 01 ngày 27/3/2015 do UBND phường Gi, quận N, thành phố H cấp cho anh T Q K và chị N T P không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con: Xác nhận anh K và chị Phương có hai con chung là **Tiêu H K Ng** - sinh ngày 16/9/2015 (Nữ) và **T H L** – sinh ngày 14/10/2017 (Nam). Sau khi ly hôn, chị P được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*)/ tháng/ 02 cháu, tức 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*)/ tháng/ 01 cháu, kể từ tháng 4/2022 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4. Về công nợ chung: Các đương sự xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Các đương sự mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để anh K chịu toàn bộ lệ phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/**0012373** ngày 14/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường Gi, quận N, TP H (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Đ H P